

# Đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam: vấn đề và giải pháp

NGUYỄN XUÂN DŨNG

*Thời gian qua cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam đã mang lại những kết quả khả quan, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư ra nước ngoài còn nhiều yếu kém, hạn chế cần được nghiên cứu giải quyết. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết đề xuất một số định hướng và giải pháp chủ yếu thúc đẩy hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn tới.*

## 1. Khái quát về hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp nước ta thời gian qua

Đầu tư ra nước ngoài nhằm tăng cường hội nhập kinh tế thế giới là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, kể từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới đến nay. Theo đó, Chính phủ đã xây dựng và từng bước hoàn thiện chính sách và hệ thống các văn bản pháp luật về đầu tư ra nước ngoài - đặc biệt là Luật Đầu tư (năm 2005) và một số văn bản hướng dẫn thi hành đã được ban hành<sup>1</sup>. Các văn bản pháp lý ra đời đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động này, nhất là từ khi Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ngày 9-8-2006 hướng dẫn hoạt động đầu tư ra nước ngoài có hiệu lực; Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 20-2-2009 của Chính phủ phê duyệt *Đề án thúc đẩy đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài*, trong đó xác định các lĩnh vực ưu tiên cũng như các giải pháp hỗ trợ cho hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài... Đối với lĩnh vực đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong khai thác dầu khí, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 121/2007/NĐ-CP quy định: Chính phủ chấp thuận đầu tư với các dự án dầu khí sử dụng vốn Nhà nước từ 1000 tỷ đồng trở lên, hoặc

vốn của các thành phần kinh tế từ 3000 tỷ đồng trở lên. Các dự án không thuộc phạm vi quy định trên sẽ do đại diện chủ sở hữu hoặc nhà đầu tư quyết định...

Ngoài ra, Nhà nước còn có các quy định cụ thể nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư tiến hành việc đầu tư ra nước ngoài, ví dụ như: cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm làm đầu mối phối hợp với các cơ quan của Việt Nam ở trong và nước ngoài để hỗ trợ nhà đầu tư trong việc chấp hành các quy định của pháp luật nước

---

Nguyễn Xuân Dũng, TS., Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

1. Quyết định số 1175/2007/QĐ-BKH ngày 10-10-2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thủ tục đầu tư ra nước ngoài (ĐTRNN); Thông tư số 01/2001/TT-NHNN và Thông tư số 04/2005/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với doanh nghiệp Việt Nam ĐTRNN; Thông tư số 10/2006/TT-NHNN ngày 21-12-2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho khách hàng vay vốn để ĐTRNN; Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19-01-2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam ĐTRNN; Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25-7-2007 và số 17/2009/NĐ-CP ngày 16-2-2009 quy định về ĐTRNN trong lĩnh vực dầu khí.

sở tại; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư ở nước ngoài; thông qua đường ngoại giao, đề xuất và kiến nghị chính quyền nước sở tại hỗ trợ, tạo điều kiện và tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài.

Với các thủ tục thông thoáng và những điều kiện thuận lợi, nên đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nhà đầu tư Việt Nam đã mang lại những kết quả khả quan. Theo số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nếu như năm 1989 cả nước chỉ có 1 dự án đầu tư ra nước ngoài, với số vốn đăng ký là 563.000 USD, thì đến tháng 12-2009 đã có 457 dự án đầu tư ra nước ngoài, với số vốn đăng ký đạt khoảng 7,18 tỷ USD; tổng vốn thực hiện

trên 2 tỷ USD.

Trong thời gian đầu, địa bàn đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam mới dừng lại ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á, nhưng gần đây, sau khi nghiên cứu, khảo sát thị trường, địa bàn đầu tư đã mở rộng ra nhiều nước và vùng lãnh thổ, trong đó có cả Hoa Kỳ. Đến nay, Việt Nam đã đầu tư tại 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó đứng đầu là: Lào với 162 dự án và số vốn đầu tư đạt khoảng 3.000 triệu USD; tiếp đến là Liên bang Nga, số liệu tương ứng là 16 và 1.700 triệu USD; Campuchia là 63 và 883 triệu USD; Malaixia là 7 và 812 triệu USD; Angiêri là 1 và 243 triệu USD; Madagasca là 1 và 117,3 triệu USD; Hoa Kỳ là 47 và 101,6 triệu USD...(bảng 1).

**BẢNG 1: Một số quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu danh sách nhận đầu tư trực tiếp từ Việt Nam**  
(tính đến ngày 31-12-2009)

TT	Tên nước	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)
1	Lào	162	3.000
2	Liên bang Nga	18	1.700
3	Campuchia	63	883
4	Malaixia	07	812
5	Angiêri	01	243
6	Madagasca	01	117,3
7	Hoa Kỳ	47	101,6

*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2010.*

Về lĩnh vực đầu tư, số dự án đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực như công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp; trong đó số lượng dự án đầu tư lớn nhất là ở lĩnh vực công nghiệp chiếm khoảng 40% số dự án với 67,6% tổng số vốn đầu tư, tiếp theo là lĩnh vực dịch vụ chiếm khoảng 40,7% số dự án với 20,7% tổng số vốn đầu tư, cuối cùng là lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 19,3% số dự án với 11,7% tổng số vốn đầu tư (bảng 2). Các dự án tập trung tại một số

quốc gia và vùng lãnh thổ như Lào: 147 dự án với tổng số vốn đầu tư là 1.531 triệu USD; trong đó Thủy điện Xekaman 3 với tổng số vốn đầu tư là 247 triệu USD, dự án trồng cao su của Tổng công ty Cao su Việt Nam trị giá 32 triệu USD, của Công ty Cao su Đắc Lắc trị giá 24 triệu USD; hoặc tại Angiêri hiện có 1 dự án thăm dò, khai thác dầu khí giá trị 243 triệu USD của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; 1 dự án tại Madagasca có vốn 117,36 triệu USD với kết quả khả quan...

**BẢNG 2: Cơ cấu đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam**  
(tính đến ngày 31-12-2009)

Đơn vị: %

Lĩnh vực đầu tư	Số dự án	Tổng số vốn đầu tư
Công nghiệp	40	67,6
Dịch vụ	40,7	20,7
Nông nghiệp	19,3	11,7
<i>Tổng</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2010.*

Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam đã chú trọng chuyển từ những dự án có quy mô nhỏ, sang các dự án quy mô lớn hơn. Từng bước chuyển những dự án đầu tư trong các lĩnh vực: dịch vụ ăn uống, kinh doanh sản phẩm chè, cà phê Việt Nam, thương mại, giao thông - vận tải, khách sạn - du lịch..., sang đầu tư vào các ngành nghề đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao, vốn lớn như: thăm dò khai thác dầu khí, sản xuất điện năng, vật liệu xây dựng, sản xuất và chế biến hàng gia dụng, trồng cây công nghiệp, cao su, điều... Một trong số các doanh nghiệp tiêu biểu đầu tư ra nước ngoài là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) đã có các hợp đồng thăm dò và khai thác dầu khí tại Cuba, Vê-nê-zuê-la, Peru và hiện đang tiếp tục một số dự án khác về năng lượng. Petro Vietnam là một trong số chín nhà đầu tư trên thế giới được chọn thực hiện hợp đồng khai thác dầu khí của I-Rắc (11 mỏ). Với uy tín và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, Petro Vietnam và Tổng Công ty Dầu khí Quốc gia Nicaragua (Petronic) đã ký bản thỏa thuận hợp tác tổng thể trong lĩnh vực dầu khí (ngày 24-3-2009).

Như vậy, tình hình đầu tư ra nước ngoài của các doanh nhân và doanh nghiệp Việt Nam phát triển khá mạnh không chỉ về số lượng, chất lượng của các dự án, mà còn cả ở năng lực cạnh tranh đối với các thị trường có thế mạnh, kể cả ở các nước phát triển. Mặc

dù số lượng dự án và quy mô vốn của các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài không lớn, nhưng tiềm lực tài chính, trình độ công nghệ, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý đầu tư ở một số nước đã được nâng lên. Về cơ bản, các dự án đầu tư ra nước ngoài bước đầu có hiệu quả, nhiều dự án đã tăng vốn đầu tư, mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh để chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu, mở rộng hợp tác kinh tế, kỹ thuật, tiết kiệm chi phí đầu tư... Nguyên nhân của thành công này chính là nỗ lực của các nhà đầu tư, cùng với những điều kiện thuận lợi hỗ trợ từ phía Nhà nước cho việc tiến hành đầu tư ra nước ngoài, từng bước được bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp lý của Nhà nước, cải tiến thủ tục hành chính, mở rộng diện đăng ký kinh doanh.

Tuy nhiên, việc đầu tư ra nước ngoài của các nhà đầu tư nước ta trong thời gian qua còn nhiều hạn chế: quy mô dự án, lĩnh vực và địa bàn đầu tư còn chưa tương xứng với tiềm năng của các doanh nghiệp Việt Nam; hiệu quả hoạt động đầu tư ra nước ngoài còn thấp; tiềm lực của một số doanh nghiệp còn nhỏ bé, lĩnh vực đầu tư chưa đa dạng; thiếu sự liên kết giữa các nhà đầu tư Việt Nam; trình độ ngoại ngữ, kinh nghiệm tổ chức đầu tư ra nước ngoài của các nhà đầu tư còn hạn chế; công tác xúc tiến đầu tư của ta còn yếu; thiếu chiến lược, định hướng cũng như thông tin rõ ràng về lĩnh vực, các quy định pháp lý, lĩnh vực đầu tư..., cho các doanh

nghiệp đầu tư ra nước ngoài; các quy định pháp lý về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa hình thành, trong khi trên thực tế hình thức này đang trở nên phổ biến ở các quốc gia trên thế giới.

Những tồn tại trên đây, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng chủ yếu là do:

*Một là*, khung pháp lý, chính sách về đầu tư ra nước ngoài ở nước ta chưa hoàn thiện, thủ tục hành chính còn rườm rà. Trong một số trường hợp thủ tục đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam chưa phù hợp với các quy định quốc tế. Theo qui định, trong phân cấp quản lý thủ tục đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam chỉ có Thủ tướng Chính phủ<sup>2</sup> và Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>3</sup> mới có quyền quyết định những dự án đầu tư ra nước ngoài. Trường hợp các doanh nghiệp ở địa phương muốn có được giấy phép đầu tư ra nước ngoài phải mất khá nhiều thời gian để làm thủ tục, theo thống kê, ít nhất phải qua 11 “cửa”. Đây là một trong những trở ngại lớn cho doanh nghiệp Việt Nam muốn đầu tư ra nước ngoài.

*Hai là*, sự khác biệt về hệ thống pháp luật, ngôn ngữ, phong tục tập quán, năng lực và trình độ kỹ thuật của lực lượng lao động ở các quốc gia mà Việt Nam tiến hành đầu tư cũng là một trong những nguyên nhân khiến nhiều nhà đầu tư phải nản lòng. Hơn nữa, do khác biệt về quy định đầu tư trực tiếp nước ngoài giữa các quốc gia và nền kinh tế, các nhà đầu tư Việt Nam muốn có giấy phép đầu tư ra nước ngoài cần có văn bản cho phép hoặc thỏa thuận với quốc gia mình muốn đầu tư. Nhưng ở một số quốc gia lại qui định chỉ được phép đầu tư vào quốc gia đó, khi đã được sự cho phép của quốc gia mà doanh nghiệp đầu tư mang quốc tịch. Điều này gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành đầu tư ra nước ngoài.

*Ba là*, theo quy định hiện hành, nhà đầu tư được chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

khi đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và dự án đầu tư đã được nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận... Để mở được tài khoản tại ngân hàng phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài đầu tư, doanh nghiệp phải đăng ký mở 2 tài khoản: một tài khoản tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và một tài khoản tại ngân hàng thương mại khác đang hoạt động tại Việt Nam<sup>4</sup>. Mọi giao dịch chuyển ngoại tệ từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài vào Việt Nam liên quan đến dự án đầu tư được thực hiện thông qua một tài khoản ngoại tệ mở tại một tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối tại Việt Nam và được đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi có Giấy chứng nhận đầu tư để nghiên cứu, chuẩn bị dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và pháp luật có liên quan. Như vậy, có thể hiểu là, trong một số trường hợp, các nhà đầu tư sẽ không chuyển được tiền đến quốc gia muốn đầu tư, ảnh hưởng không nhỏ đến việc chấp thuận đầu tư ở đây.

---

2. - Dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, tài chính, tín dụng, báo chí, phát thanh, truyền hình, viễn thông có sử dụng vốn nhà nước từ 150 tỷ đồng Việt Nam trở lên hoặc vốn của các thành phần kinh tế từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên.

- Dự án không thuộc lĩnh vực nêu trên có sử dụng vốn nhà nước từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên hoặc vốn của các thành phần kinh tế từ 600 tỷ đồng Việt Nam trở lên.

3. Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam.

4. Theo Thông tư số 01/2001/TT- NHNN ngày 19-01-2001 của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối đối với các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, thì doanh nghiệp mở 1 tài khoản tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam. Mọi giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp thực hiện thông qua tài khoản này. Ngoài ra doanh nghiệp phải làm thủ tục đăng ký mở tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài với chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại địa phương mình có trụ sở chính.

**2. Định hướng và giải pháp chủ yếu thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam trong giai đoạn tới**

Trong bối cảnh hiện nay, khoảng cách về gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài và mậu dịch quốc tế bình quân hàng năm đang thu hẹp lại. Việc các nền kinh tế thực hiện kinh tế thị trường - mở cửa là đòi hỏi bắt buộc, mặc dù trong quá trình này có cả cơ may và dễ thương tổn, do đó các quốc gia, vùng lãnh thổ cần có sự điều chỉnh kịp thời và có đối sách linh hoạt với mọi biến đổi của nền tài chính quốc tế. Với tư cách là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới, nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài được coi là xu thế tất yếu khách quan. Do vậy, định hướng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong giai đoạn tới được xác định như sau:

*Thứ nhất, về địa bàn đầu tư:* dựa trên cơ sở lợi thế so sánh và thực lực của các thành phần kinh tế, Việt Nam từng bước mở rộng thị trường đầu tư sang các quốc gia, vùng lãnh thổ và một số thị trường mới như: Mỹ Latinh, Đông Âu, Châu Phi; tiếp tục ưu tiên đầu tư vào các thị trường truyền thống như: Lào, Campuchia, các nước trong khu vực và Liên bang Nga...

*Thứ hai, về lĩnh vực đầu tư:* hỗ trợ các dự án đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng, sản xuất điện năng, khai thác tài nguyên thiên nhiên, trong đó đặc biệt chú trọng các lĩnh vực thăm dò khai thác dầu khí và khoáng sản khác, lĩnh vực trồng cây công nghiệp. Khuyến khích và hỗ trợ các dự án đầu tư ra nước ngoài đáp ứng được các yêu cầu trong nước về nguyên liệu phục vụ sản xuất...

Trên cơ sở định hướng phát triển nói trên và thực trạng hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp nước ta

thời gian qua, cần tiến hành đồng thời một hệ thống các giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

*Một là,* Nhà nước cần tạo cơ sở pháp lý, tiền đề cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và định hướng cho các nhà đầu tư tiến hành việc đầu tư ra nước ngoài an toàn và hiệu quả. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, chính sách về đầu tư ra nước ngoài như: chính sách tài chính tiền tệ, xuất khẩu, quản lý ngoại hối, các quy định pháp lý về đầu tư ra nước ngoài, trợ giúp về tài chính trong các hoạt động xúc tiến đầu tư, bảo hiểm đầu tư. Trong các trường hợp dự án đầu tư có ảnh hưởng tích cực đến phát triển kinh tế của đất nước, cần hỗ trợ cho các nhà đầu tư thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài được vay vốn với lãi suất ưu đãi và có cơ chế miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận chuyển về nước mà nhà đầu tư đã nộp thuế tại nước thực hiện dự án đầu tư. Ký kết các hiệp định đầu tư song phương và đa phương, hiệp định tránh đánh thuế chung với các quốc gia và vùng lãnh thổ... một cách kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

*Hai là,* đẩy mạnh quá trình cải tiến thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài theo hướng đơn giản thuận tiện, tăng quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp. Quy định đồng bộ các biện pháp khuyến khích và hỗ trợ các doanh nhân và doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý đầu tư ra nước ngoài. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư giữa Việt Nam và các quốc gia truyền thống. Cung cấp kịp thời thông tin về chính sách đầu tư của các thị trường trên thế giới cho các doanh nghiệp trong nước.

*Ba là,* cần tập trung xây dựng thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp thông

qua giá trị sản phẩm của chính doanh nghiệp đối với người tiêu dùng. Đây là yếu tố quyết định sự thành công hoặc thất bại của nhà đầu tư thực hiện đầu tư ra nước ngoài. Mặt khác, khi tiến hành hoạt động kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài, doanh nhân và doanh nghiệp phải nâng cao tiềm lực tài chính của mình bởi luôn phải đối mặt với nhiều thách thức. Đồng thời với việc nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, các doanh nghiệp cần tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đối với đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp để góp phần vào việc tổ chức quản lý kinh doanh ngày càng hiệu quả hơn./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Đầu tư (năm 2005), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2005.
2. Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ngày 9-8-2006 của Chính phủ hướng dẫn hoạt động đầu tư ra nước ngoài.
3. Thông tư số 01/2001/TT- NHNN ngày 19-01-2001 của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối đối với các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.
4. Báo Nhân dân ngày 23-12-2008, Bức tranh tổng thể về đầu tư nước ngoài.
5. Bản tin kinh tế thế giới, Thông tấn xã Việt Nam, ngày 07-4-2009.
6. Thời báo Kinh tế, Hội kinh tế Việt Nam, ngày 25-3-2009.
7. Số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2010.
8. <http://www.Vnexpress>, ngày 23-02-2009.
9. <http://www.Đảng Cộng sản Việt Nam>.